

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2021/HS-PT
Ngày: 29-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Tuyền.**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Thảo**

Bà **Phạm Thị Xuân Đào**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Lê Khang-** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà **Tổng Thị Thu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 84/2021/TLPT-HS ngày 10 tháng 3 năm 2021, do có kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Đình C, Trần Minh C1, Lê Thị Thu D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2021/HS-ST ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

1. Bị cáo: Nguyễn Đình C, sinh năm 1974 tại Quảng Bình.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 2, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 9/12 - Nghề nghiệp: Công nhân.

Con ông: Nguyễn Đình T, sinh năm 1919 (chết) và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1929; Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ 04 trong gia đình; Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1980 và có 02 người con: Lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 15/7/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Thành tại Bản án số 99/2020/HSST ngày 15/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành từ ngày 23/9/2020.

Toà không triệu tập bị cáo.

2. Trần Minh C1 (tên gọi khác: B), sinh năm 1958 tại Thanh Hóa.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp B1, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 7/10 - Nghề nghiệp: Tự do.

Con ông Trần Thiên L (Đã chết) và bà Lê Xuân T, sinh năm 1932 (Đã chết); Gia đình có 06 anh, chị em, bị can là con thứ 03 trong gia đình; Chung sống như vợ chồng với bà Võ Thị R, có 02 người con, lớn nhất sinh 1985 hiện đã chết; sau đó sống như vợ chồng với bà Đoàn Thị Hoàng A và 01 con sinh năm 1994. Hiện không chung sống với bà Võ Thị R và Đoàn Thị Hoàng A.

Tiền án: Ngày 13/3/2002 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/8/2002 nhưng bị cáo chưa nộp tiền tạm ứng án phí hình sự, án phí dân sự và chưa nộp 3.000.0000 đồng bồi thường dân sự. Đến ngày 08/9/2020, bị cáo đã nộp xong các khoản tiền trên.

Tiền sự: Không.

Bị cáo có mặt.

3. Lê Thị Thu D, sinh năm 1981 tại Bình Thuận.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp 1, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nơi sinh sống: Ấp 3, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 12/12 - Nghề nghiệp: Tự do.

Con ông Lê Văn T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T (Đã chết); Gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; Chồng: Dương Thanh S, sinh năm 1980 (Đã ly hôn) có 03 con: Lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 11 giờ ngày 17/6/2020 tại nhà của Nguyễn Đình C ở ấp 2, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Công an huyện Long Thành phối hợp với Công an xã B bắt quả tang Nguyễn Đình C, Trần Minh C1, Lê Thị Thu D và Đinh Văn T đang đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền bằng hình thức đánh bài phỏm. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.800.000 đồng, thu giữ trong hộp giấy carton 300.000 đồng; thu giữ trên người của Nguyễn Đình C số tiền 3.000.000 đồng, C1 4.500.000 đồng, D 3.000.000 đồng, T 4.000.000 đồng và 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định: Lúc 09 giờ 30 phút, ngày 17/6/2020 Nguyễn Đình C rủ Trần Minh C1, Lê Thị Thu D và Đinh Văn T đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền bằng hình thức bài phỏm tại nhà của C ở ấp 2, xã B, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. C quy định nếu ai thắng sẽ bỏ 50.000 đồng vào thùng giấy carton để mua thức ăn và nước uống. Ngày 17/6/2020 C mang theo 4.500.000 đồng sử dụng 1.500.000 đồng vào việc đánh bạc, C thắng 500.000 đồng; C1 mang theo 6.500.000 đồng sử dụng 2.000.000 đồng vào việc đánh bạc, C1 thắng 700.000 đồng, D mang theo 6.300.000 đồng sử dụng 3.300.000 đồng vào việc đánh bạc D thua 1.700.000 đồng, T mang theo 5.300.000 đồng sử dụng 1.300.000 đồng vào việc đánh bạc, T thua 300.000 đồng.

Hình thức đánh bạc là bài phỏm: gồm 04 người, người chia bài sẽ có 1 lá bài và được đánh đầu tiên, 03 người còn lại sẽ có 09 lá bài; số lá bài còn lại được những người chơi lấy 01 lá bài để có lá bài dư đánh cho đến hết. Khi có 03 lá bài giống nhau nhưng khác chất (rô, cơ, bích, tép) hoặc 03 lá bài riêng lẻ cùng chất nhưng liên tiếp thì gọi là “Phỏm”; người chơi có 03 phỏm gọi là “U”. Người nào có phỏm sẽ thắng những người còn lại, người có nhiều phỏm hơn sẽ thắng người có ít phỏm, nếu không ai có phỏm thì người hạ bài đầu tiên sẽ thắng. Nếu những người chơi đều có số phỏm giống nhau thì sẽ căn cứ vào điểm cộng của các lá bài còn lại để tính thắng thua, người nào có số điểm ít nhất sẽ thắng và sẽ được quyền chia bài cho lần đánh tiếp theo.

Vật chứng tạm giữ gồm:

- 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 hộp giấy carton kích thước 12cm x 12cm x 12cm.

- Số tiền 8.100.000 đồng (trong đó 7.800.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc; 300.000 đồng thu giữ trong thùng giấy carton)

- Số tiền 14.500.000 đồng (trong đó thu giữ trên người C1 3.000.000 đồng, C 4.500.000 đồng, D 3.000.000 đồng, T 4.000.000 đồng).

Bản án sơ thẩm số 19/2021 ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội “**Đánh bạc**”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 07 (bảy) tháng tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 99/2020/HSST ngày 15/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành. Bị cáo Nguyễn Đình C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 01 (một) năm 01 (một) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/9/2020, trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 04/02/2020 đến ngày 05/03/2020 và thời gian tạm giữ từ ngày 17/6/2020 đến ngày 20/6/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Tuyên bố bị cáo Trần Minh C1 phạm tội “**Đánh bạc**”.

Xử phạt bị cáo Trần Minh C1 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu D phạm tội “**Đánh bạc**”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4. Tuyên bố bị cáo Đinh Văn T phạm tội “**Đánh bạc**”.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng; 01 hộp giấy carton kích thước 12cm x 12cm x 12cm tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 27/11/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước và số tiền 8.100.000 đồng (Tám triệu một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 06884 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

6. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đình C, Trần Minh C1, Lê Thị Thu D và Đinh Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Ngày 30/01/2021, bị cáo Nguyễn Đình C có đơn kháng cáo, kháng cáo bản án số 19/2021/HS-ST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long

Thành, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 28/01/2021, bị cáo Lê Thị Thu D có đơn kháng cáo, kháng cáo bản án số 19/2021/HS-ST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo hiện hoàn cảnh rất khó khăn, chồng bị cáo đã ly hôn, phải nuôi 3 con còn nhỏ trong đó có một con đang bị bệnh.

Ngày 28/01/2021, bị cáo Trần Minh C1 có đơn kháng cáo, kháng cáo bản án số 19/2021/HS-ST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Thành vì cho rằng, Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo.

Trước khi Toà án mở phiên toà phúc thẩm thì bị cáo Nguyễn Đình C đã có đơn xin rút kháng cáo. Đơn của bị cáo ghi ngày 27/3/2021 nhưng ngày 27/4/2021, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai mới nhận được.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Minh C1 và bị cáo Lê Thị Thu D vẫn giữ nguyên kháng cáo, tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét.

Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa nêu quan điểm: Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 nên cấp sơ thẩm xem xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên mức án đối với các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ mới là các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo mà cấp sơ thẩm chưa xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 của Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo theo hướng chuyển sang hình phạt nhẹ hơn, buộc các bị cáo phải chấp hành cũng đảm bảo tính răn đe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Trước khi Toà án mở phiên toà phúc thẩm thì bị cáo Nguyễn Đình C đã có đơn xin rút kháng cáo. Đơn của bị cáo ghi ngày 27/3/2021, đóng dấu trại

giam ngày 30/3/2021 nhưng ngày 27/4/2021, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai mới nhận được nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Đình C.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Minh C1 và bị cáo Lê Thị Thu D đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét về hình phạt:

Chứng cứ thể hiện tại hồ sơ và các chứng cứ mới thu thập ở cấp phúc thẩm thể hiện: Trong vụ án này, các bị cáo bị Toà án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xét xử về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội. Hai bị cáo Trần Minh C1 và Lê Thị Thu D phạm tội là do bị cáo Nguyễn Đình C rủ rê. Số tiền dùng để đánh bạc cụ thể: C sử dụng 1.500.000đ, C1 sử dụng 2.000.000đ, D sử dụng 3.300.000đ là không lớn. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Toà án cấp sơ thẩm căn cứ các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt các bị cáo mức án tương xứng. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, bị cáo C1 và bị cáo D đều cung cấp thêm các tài liệu chứng minh các bị cáo còn nhiều tình tiết giảm nhẹ mới cần được xem xét.

Bị cáo C1 có 1 tiền án vào tháng 02/2002 bị TAND huyện Nhơn Trạch xử 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đã chấp hành án xong từ ngày 25/8/2002. Bị cáo chưa nộp tiền tạm ứng án phí và chưa Bồi thường dân sự do bị hại không yêu cầu và bị cáo khai do không hiểu biết pháp luật nên không biết nộp tiền để xin xoá án tích. Ngày 08/9/2020, bị cáo đã nộp xong tiền án phí và tiền bồi thường.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo trình bày và nộp thêm chứng cứ mới bao gồm: Cha bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương chiến thắng hạng Ba, Thương binh loại A hạng 4 (thương binh do chiến đấu). Bản thân bị cáo cũng đã lớn tuổi (63 tuổi), thường xuyên ốm đau do các bệnh mãn tính (viêm xoang, viêm khớp mãn tính, tai phải bị điếc, rối loạn tiền đình), sức khoẻ sa sút, hoàn cảnh gia đình khó khăn không có việc làm và không có thu nhập ổn định. Bản thân bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp xong các khoản tiền thi hành bản án trước đây (Việc chưa được xoá án tích cũng do bị cáo thiếu hiểu biết pháp luật). Sau khi chấp hành xong hình phạt, từ tháng 8/2002 đến tháng 6/2020 (18 năm), bị cáo không phạm tội mới. Lạm phạm tội này là do bị rủ rê và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, kháng cáo của bị cáo có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị của Viện kiểm sát về việc chuyển hình phạt cho bị cáo sang hình phạt nhẹ hơn là có cơ sở. Nên áp dụng

phạt bị cáo từ hình phạt giam sang hình phạt tiền mức phạt là 30.000.000 đồng cũng đủ răn đe và tạo điều kiện cho bị cáo điều trị bệnh.

Đối với bị cáo D: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cũng trình bày và nộp thêm chứng cứ chứng minh đã ly hôn, có hoàn cảnh khó khăn, hiện chỉ làm mướn cho trại gà một tháng thu nhập 3- 4 triệu đồng. Hiện bị cáo đang là mẹ đơn thân phải một mình nuôi 3 con ăn học (lớn nhất vừa bước sang tuổi 18, đang học lớp 12). Cháu thứ 2 học lớp 8 và cháu nhỏ nhất 7 tuổi đang học lớp 1 nhưng bị suy dinh dưỡng nặng. Bị cáo phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo. Đã thành khẩn, ăn năn. Việc phạt giam bị cáo là không cần thiết và gây xáo trộn lớn, gây khó khăn ảnh hưởng rất lớn đến việc sinh sống, học hành, phát triển của 3 đứa trẻ nên kháng cáo của bị cáo là có cơ sở. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Chuyển hình phạt giam thành hình phạt tiền mức phạt đối với bị cáo là 20.000.000 triệu đồng.

Căn cứ các điều 45, 342, 348 điểm b khoản 1 điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Minh C1, Lê Thị Thu D.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội “Đánh bạc” do bị cáo rút kháng cáo.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo **Trần Minh C1** phạm tội “**Đánh bạc**”.

Xử phạt bị cáo Trần Minh C1 **30.000.000đ** (ba mươi triệu đồng).

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Lê Thị Thu D** phạm tội “**Đánh bạc**”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu D **20.000.000đ** (hai mươi triệu đồng).

5. Về án phí: Áp dụng điểm g, h Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Đình C, Trần Minh C1, Lê Thị Thu D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND H. Long Thành (2);
- VKSND H. Long Thành;
- Công an H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- Phòng PV27 CA tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam - Bị cáo;
- Lưu HS (3).

Nguyễn Thị Hồng Tuyền